BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

Bản đồ được đo đạc bổ sung, chỉnh lý và biên tập từ tờ bản đồ địa chính số 61, 62, 65, 66, 72, 77, 83, 84, 85, 94 phường Nghĩa Lộ và tờ bản đồ địa chính số 36 phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi
Để phê duyệt phương án bồi thường và lập thủ tục thu hồi đất
Dự án: Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc 1 - Bến Tam Thương)
Địa điểm: Phường Nghĩa Lộ và phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi
Tổng diện tích: 166.832,1 m^2
Diện tích quy hoạch: 108.765,7 m^2
(Trong đó: có 323,2 m^2 nằm trong quy hoạch Dự án: Đập dâng hạ lưu Sông Trà Khúc - Hạng mục: Bờ kè phía bắc và các hạng mục công trình thuộc lòng sông;
Và có: 20.738,8 m^2 nằm trong quy hoạch Dự án: Đập dâng hạ lưu Sông Trà Khúc - Hạng mục: Bờ kè phía nam hạ lưu Sông Trà Khúc)
Diện tích quy hoạch thẩm định đợt 6: 17.722,5 m^2

TỈNH QUẢNG NGÃI

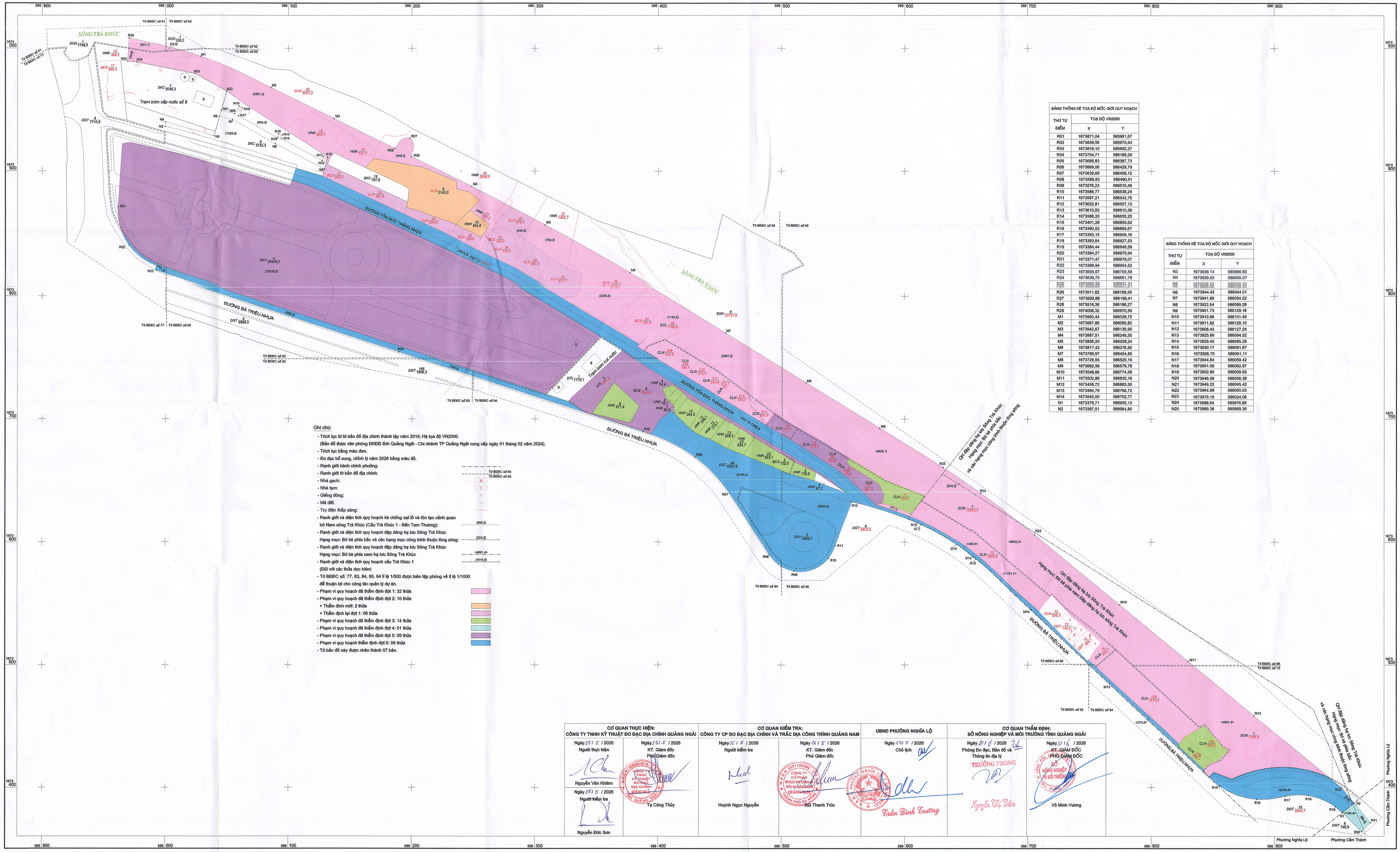

Ghi chú:

- Trích lục từ tờ bản đồ địa chính thành lập năm 2019; Hệ tọa độ VN2000.
  (Bản đồ được văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh TP Quảng Ngãi cung cấp ngày 01 tháng 02 năm 2024).
- Trích lục bằng màu đen.
- Đo đạc bổ sung, chỉnh lý năm 2026 bằng màu đỏ.
- Ranh giới hành chính phường:
- Ranh giới tờ bản đồ địa chính: Tờ BĐĐC số 65 / Tờ BĐĐC số 63
- Nhà gạch:
- Nhà tạm:
- Giếng đông:
- Mã đất:
- Trụ điện thấp sáng:
- Ranh giới và diện tích quy hoạch kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc 1 - Bến Tam Thương): (999,6)
- Ranh giới và diện tích quy hoạch đập dâng hạ lưu Sông Trà Khúc Hạng mục: Bờ kè phía bắc và các hạng mục công trình thuộc lòng sông: [224,2]
- Ranh giới và diện tích quy hoạch đập dâng hạ lưu Sông Trà Khúc Hạng mục: Bờ kè phía nam hạ lưu Sông Trà Khúc <4991,4>
- Ranh giới và diện tích quy hoạch cầu Trà Khúc 1 (Đối với các thửa dọc biên) (1618,8)
- Tờ BĐĐC số: 77, 83, 84, 85, 94 tỉ lệ 1/500 được biên tập phóng về tỉ lệ 1/1000 để thuận lợi cho công tác quản lý dự án.
- Phạm vi quy hoạch đã thẩm định đợt 1: 32 thửa
- Phạm vi quy hoạch đã thẩm định đợt 2: 10 thửa
  + Thẩm định mới: 2 thửa
  + Thẩm định lại đợt 1: 08 thửa
- Phạm vi quy hoạch đã thẩm định đợt 3: 14 thửa
- Phạm vi quy hoạch đã thẩm định đợt 4: 01 thửa
- Phạm vi quy hoạch đã thẩm định đợt 5: 09 thửa
- Phạm vi quy hoạch thẩm định đợt 6: 09 thửa
- Tờ bản đồ này được nhân thành 07 bản.

BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH

THỨ TỰ ĐIỂM	TOẠ ĐỘ VN2000 X	TOẠ ĐỘ VN2000 Y
R01	1673871,04	585961,67
R02	1673839,56	585970,43
R03	1673819,10	585992,37
R04	1673754,71	586189,29
R05	1673689,83	586387,73
R06	1673669,06	586429,79
R07	1673639,69	586458,12
R08	1673580,83	586490,51
R09	1673576,23	586510,46
R10	1673586,77	586538,24
R11	1673597,21	586543,75
R12	1673632,81	586557,13
R13	1673615,83	586610,38
R14	1673588,20	586655,25
R15	1673401,28	586855,62
R16	1673390,52	586885,67
R17	1673393,15	586909,16
R18	1673393,64	586927,53
R19	1673384,44	586949,58
R20	1673364,27	586970,94
R21	1673371,47	586978,07
R22	1673399,94	586954,52
R23	1673605,97	586705,58
R24	1673639,75	586661,78
~~R25~~	~~1673660,85~~	~~586631,21~~
~~R25~~	~~1673660,85~~	~~586631,21~~
R26	1673911,82	586199,55
R27	1673928,88	586198,41
R28	1673918,36	586186,27
R29	1674008,32	585970,59
M1	1673993,44	586028,72
M2	1673957,86	586085,82
M3	1673942,67	586136,95
M4	1673887,51	586248,55
M5	1673856,20	586308,24
M6	1673817,42	586376,92
M7	1673769,97	586454,85
M8	1673729,55	586520,19
M9	1673692,58	586579,78
M10	1673548,86	586774,58
M11	1673502,86	586830,16
M12	1673458,72	586883,50
M13	1673484,79	586766,72
M14	1673545,00	586702,77
N1	1673379,71	586955,13
N2	1673387,51	586964,80

BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ MỐC GIỚI QUY HOẠCH

THỨ TỰ ĐIỂM	TOẠ ĐỘ VN2000 X	TOẠ ĐỘ VN2000 Y
N3	1673936,14	585999,83
N4	1673939,93	586000,07
~~N5~~	~~1673928,52~~	~~586039,33~~
~~N5~~	~~1673928,52~~	~~586039,33~~
N6	1673944,42	586044,01
N7	1673941,89	586054,52
N8	1673922,04	586089,28
N9	1673901,73	586129,16
N10	1673910,96	586131,49
N11	1673911,82	586128,10
N12	1673908,43	586127,24
N13	1673925,99	586094,52
N14	1673929,40	586095,29
N15	1673930,17	586091,87
N16	1673926,75	586091,11
N17	1673944,84	586059,42
N18	1673951,06	586062,97
N19	1673952,80	586059,93
N20	1673946,58	586056,38
N21	1673949,22	586045,42
N22	1673964,88	586050,03
N23	1673979,15	586024,06
N24	1673988,54	585976,85
N25	1673989,38	585969,36

CƠ QUAN THỰC HIỆN: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH QUẢNG NGÃI		CƠ QUAN KIỂM TRA: CÔNG TY CP ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH VÀ TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH QUẢNG NAM		UBND PHƯỜNG NGHĨA LỘ	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI	
Ngày 25 / 5 / 2026 Người thực hiện	Ngày 25 / 5 / 2026 KT. Giám đốc Phó Giám đốc	Ngày 26 / 5 / 2026 Người kiểm tra	Ngày 26 / 5 / 2026 KT. Giám đốc Phó Giám đốc	Ngày 27 / 5 / 2026 Chủ tịch	Ngày 01 / 6 / 2026 Phòng Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý	Ngày 11 / 6 / 2026 KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Khiêm	Tạ Công Thủy	Huỳnh Ngọc Nguyễn	Bùi Thanh Trúc	Trần Đình Trường	TRƯỞNG PHÒNG Nguyễn Tiếp Tiến	Võ Minh Vương
Ngày 25 / 5 / 2026 Người kiểm tra						
Nguyễn Đức Sơn						

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

THÀNH 1 TỜ
TỜ SỐ 1
Tổng số thửa: 78